TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 11-8-2020
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thành Minh;

Ông Phạm Chính.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Cẩm Thoang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu T, sinh năm 1994; cư trú tại: Thôn Q, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1992; nơi thường trú: Thôn Q, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; hiện nay cư trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29 và 30/10/2019, quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị Thu T trình bày:

Chị và anh Phạm Văn H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc ở nhà cha mẹ chị đến tháng 7/2019 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H bán xe mô tô của vợ chồng nhưng không hỏi ý kiến của chị; khi chị hỏi thì anh H đánh. Ngoài ra, vợ chồng còn mâu thuẫn do vấn đề kinh tế dẫn đến cãi vã. Ngày 18/7/2019, anh H uống rượu bia say rồi tự bỏ về nhà mẹ ruột anh sinh sống, không liên lạc gì với chị. Nay, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Tại Bản trình bày ngày 23/7/2020, anh H khai: Việc kết hôn như chị T trình bày. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng bình thường, gia đình bên vợ có cho đất cất nhà; trong quá trình xây nhà, giữa anh và gia đình vợ xảy ra cãi vã nhưng vợ anh chọn gia đình mình nên anh bỏ đi, hai người không sống chung từ tháng 8/2019 đến nay. Nay chị T xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được do bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phạm Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Lê Thị Thu T và bị đơn anh Phạm Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 7/2019 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân từ tháng 8/2019 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay nguyên đơn yêu cầu ly hôn và bị đơn cũng có ý kiến đồng ý ly hôn. Xét thấy, hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung: Không có nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Lê Thị Thu T được ly hôn với anh Phạm Văn H.

2. Về nuôi con chung: Không có con chung.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai số 0013618, ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Hòa.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- VKSND huyện Phú Hòa;
- Chi cục THADS huyện Phú Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Khánh Thoa